

Số: 484/QĐ-CKĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo điều chỉnh, bổ sung của Trường Cao đẳng Kinh tế Đối ngoại

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ ĐỐI NGOẠI

Căn cứ quyết định số 48/TTg ngày 24-01-1997 của Thủ tướng Chính phủ về việc nâng cấp Trường Kinh tế đối ngoại TW thành Trường Cao đẳng Kinh tế Đối ngoại;

Căn cứ Quyết định số 7390/QĐ-BCT ngày 20-8-2014 của Bộ Công Thương về việc qui định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Kinh tế Đối ngoại;

Căn cứ Thông tư số: 03/2017/TT-BLĐT BXH ngày 01/03/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ Thông tư số: 12/2017/TT-BLĐT BXH ngày 20/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ Kế hoạch số: 196/KH-CKĐ ngày 06/4/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế Đối ngoại về việc rà soát, đánh giá và hiệu chỉnh Chương trình đào tạo Khóa 25;

Căn cứ các Biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo thẩm định các chương trình đào tạo Khóa 25 của Trường Cao đẳng Kinh tế Đối ngoại;

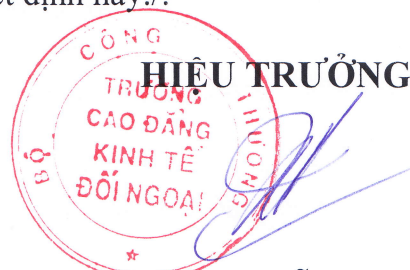
Xét đề nghị của Trường Phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

- Điều 1.** Ban hành 10 (mười) chương trình đào tạo điều chỉnh, bổ sung bậc cao đẳng chính quy Khóa 25 (Đính kèm các chương trình đào tạo).
- Điều 2.** Thời gian áp dụng: Từ Khoá 25, năm học 2021 – 2022.
- Điều 3.** Các Ông, Bà Trưởng phòng, Trưởng khoa, Trưởng Bộ môn và Cơ sở Cần Thơ chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, Phòng ĐT.



PGS. TS. Nguyễn Đức Minh

Các căn cứ tiến hành

1. Khung trình độ quốc gia Việt Nam;
2. Luật giáo dục nghề nghiệp 2013;
3. Thông tư số: 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/03/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;
4. Thông tư số: 04/2017/TT-BLĐTBXH ngày 02/03/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, về việc Ban hành danh mục ngành, nghề đào tạo cấp IV trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;
5. Thông tư số: 12/2017/TT-BLĐTBXH ngày 20/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;
6. Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp;
7. Thông tư 07/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, quy định chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp;
8. Thông tư 29/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, quy định về liên kết tổ chức thực hiện chương trình đào tạo;
9. Tiêu chuẩn kỹ năng nghề Quốc gia đối với các nghề thuộc lĩnh vực công nghiệp, ban hành tại quyết định số: 4837/ QĐ-BCT, ngày 22 tháng 9 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương;
10. Thông tư số 13/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, ban hành Chương trình Môn học Pháp luật thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng;
11. Thông tư số 03/2019/TT-BLĐTBXH ngày 17 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, ban hành chương trình môn học tiếng Anh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng;
12. Thông tư số 10 /2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, ban hành chương trình môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng;

13. Thông tư số 11 /2018/TT-BLĐT BXH ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, ban hành Chương trình môn học Tin học thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng;
14. Thông tư số 12/2018/TT-BLĐT BXH ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, ban hành Chương trình Môn học Giáo dục thể chất thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng;
15. Thông tư số 24/2018/TT-BLĐT BXH ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, ban hành Chương trình Môn học Giáo dục Chính trị thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng;
16. Thông tư số 47/2014/TT-BCT quy định về Quản lý website thương mại điện tử. Thay thế cho Thông tư số 12/2013/TT-BCT của Bộ Công Thương ban hành ngày 12/12/2014;
17. Thông tư số 59/2015/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý hoạt động thương mại điện tử qua ứng dụng trên thiết bị di động;
18. Thông tư sửa đổi một số điều của Thông tư số 47/2014/TT-BCT ngày 05/12/2014 của BCT quy định về quản lý website TMĐT và Thông tư số 59/2015/TT-BCT ngày 31/12/2015 của BCT quy định về quản lý hoạt động TMĐT qua ứng dụng trên thiết bị di động.
19. Quyết định số 276/QĐ-CKĐ ngày 06/4/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế Đối ngoại về việc thành lập Ban rà soát, đánh giá, điều chỉnh Chuẩn đầu ra và Chương trình đào tạo của Trường Cao đẳng Kinh tế Đối ngoại.
20. Kế hoạch số 196/KH-CKĐ ngày 06/4/2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế Đối ngoại về việc Rà soát, đánh giá và hiệu chỉnh Chương trình đào tạo của Trường Cao đẳng Kinh tế Đối ngoại.

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ban hành theo Quyết định số: 484 /QĐ-CKĐ ngày 19 tháng 8 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế Đối ngoại

Tên ngành, nghề	: THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ
Mã ngành	: 6340122
Trình độ đào tạo	: CAO ĐẲNG
Hình thức đào tạo	: CHÍNH QUY
Loại hình đào tạo	: THEO TÍN CHỈ
Đối tượng tuyển sinh	: TỐT NGHIỆP THPT HOẶC TƯƠNG ĐƯƠNG
Thời gian đào tạo	: 03 NĂM

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Cao đẳng ngành Kinh doanh thương mại điện tử có phẩm chất đạo đức; Có năng lực về kinh doanh và quản trị kinh doanh truyền thống và trên nền tảng thương mại điện tử, các quá trình kinh doanh và quản trị ở doanh nghiệp; Có kỹ năng thực hiện các nghiệp vụ trong lĩnh vực quản trị kinh doanh về hàng hóa và dịch vụ, giới thiệu, phân tích, đánh giá và phát triển sản phẩm và thương hiệu sản phẩm tới khách hàng trên nền tảng thương mại điện tử; Có phẩm chất cá nhân và khả năng tự học để thích ứng với môi trường kinh doanh trong điều kiện hội nhập quốc tế.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Sinh viên tốt nghiệp ngành Thương mại Điện tử đạt được:

- Về kiến thức:

+ Cung cấp kiến thức pháp luật về Thương mại Điện tử, sự thay đổi về quy định quản lý theo các mô hình phát triển của ngành Thương mại Điện tử;

+ Cung cấp kiến thức về ngành Thương mại Điện tử như: Hàng hóa, dịch vụ, sử dụng máy vi tính và các ứng dụng trên các website và mạng xã hội; Các công cụ điện tử để giới thiệu hàng hóa, dịch vụ tới khách hàng; Các hoạt động để trình bày, quảng bá, giới thiệu và phát triển các sản phẩm như ứng dụng các công cụ điện tử như website, mạng xã hội để thiết kế và trình bày các sản phẩm, giá bán sản phẩm, thiết lập và liên kết các kênh phân phối điện tử đối với việc kinh doanh các sản phẩm trên nền tảng điện tử; Khoa học quản lý và quản trị kinh doanh; Tâm lý khách hàng.

- Về kỹ năng:

+ Trang bị kỹ năng quản lý ngành Thương mại Điện tử như: Sản phẩm, Giá, Phân phối sản phẩm, và các hoạt động Chiêu thị; Quản trị các dòng sản phẩm; Thiết kế chương trình khảo sát khách hàng về sản phẩm trên nền tảng điện tử; Xây dựng kế hoạch quảng bá cho các dòng sản phẩm của doanh nghiệp trên nền tảng điện tử;

+ Phát triển kỹ năng chuyên sâu về nghiệp vụ kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử như: Thiết kế các hình ảnh của sản phẩm trên nền tảng ứng dụng thương mại điện tử; Thiết kế các gói sản phẩm trên nền tảng ứng dụng thương mại điện tử; Thiết kế các chương trình quảng bá sản phẩm trên nền tảng điện tử; Thiết kế các nội dung quảng bá sản phẩm trên nền tảng điện tử; Ứng dụng nền tảng thương mại điện tử để trình bày sản phẩm, các gói sản phẩm, giá cả, các chương trình quảng bá; Quản trị dòng sản phẩm trên nền tảng điện tử; Thiết kế chương trình sự kiện cho các dòng sản phẩm trên nền tảng điện tử;

+ Phát triển các kỹ năng trong công việc: Kỹ năng sử dụng các phương tiện điện tử như Máy tính, điện thoại thông minh; Kỹ năng ứng dụng các kỹ thuật trình bày trên các trang web, các trang mạng xã hội; Kỹ năng giao tiếp; Kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng tìm kiếm việc làm; kỹ năng tổ chức và quản lý công việc; Kỹ năng khảo sát khách hàng; Kỹ năng giải quyết tình huống, Kỹ năng thuyết trình.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Tăng cường ý thức trách nhiệm về các phẩm chất cá nhân như Năng động và sáng tạo; Biết lắng nghe – Chia sẻ - Cảm thông; Tính chủ động; Tính tổ chức.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Giao dịch thương mại điện tử;
- Dịch vụ công trực tuyến;
- Quản trị dự án Thương mại điện tử;
- Chuyên viên thiết lập và quản lý website;
- Chuyên viên về Marketing điện tử;
- Thông quan điện tử;
- Chuyên viên về nghiệp vụ Thanh toán điện tử.
- Quản trị viên về các dòng sản phẩm trên web, mạng xã hội;
- Quản trị viên các website, mạng xã hội kinh doanh của doanh nghiệp;
- Quản trị viên các chương trình quảng bá sản phẩm trên các website, mạng xã hội;
- Quản trị viên dịch vụ khách hàng trên các website, mạng xã hội;
- Chuyên viên nghiên cứu thị trường trên các website, mạng xã hội;
- Chuyên viên phát triển sản phẩm mới trên các website, mạng xã hội;

- Chuyên viên phát triển kênh phân phối trên các website, mạng xã hội.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học: 44
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học : 90 tín chỉ (2532 giờ)
- Khối lượng các môn học chung/đại cương : 435 giờ
- Khối lượng các môn học chuyên môn : 1820 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 814 giờ; Thực hành, thực tập: 1614 giờ

3. Yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp (Chuẩn đầu ra)

3.1 Yêu cầu về năng lực

a. Kiến thức

- Trình bày được các mục tiêu chiến lược marketing doanh nghiệp;
- Trình bày được quy trình lập kế hoạch các chương trình: Truyền thông, quảng cáo, tiếp thị, quảng bá thương hiệu...;
- Nhận biết được xu hướng vận động của thị trường;
- Phân tích được tác động của các yếu tố môi trường đến hoạt động marketing của doanh nghiệp;
- Phân tích được ảnh hưởng về hành vi tiêu dùng của khách hàng đối với các chính sách marketing của doanh nghiệp;
- Phân tích được xu thế phản ứng của người tiêu dùng khi lựa chọn sản phẩm của doanh nghiệp;
- Nhận biết và phân đoạn được các thị trường trọng điểm cho doanh nghiệp;
- Phân biệt được chiến lược marketing cho các nhóm khách hàng khác nhau;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

b. Kỹ năng:

- Xây dựng được các chiến lược marketing ngắn hạn, trung hạn và dài hạn;
- Thiết lập và duy trì được chính sách giá của sản phẩm dịch vụ;
- Phân đoạn và lựa chọn được thị trường trọng điểm cho doanh nghiệp;
- Dự đoán được một số phản ứng của người tiêu dùng đối với việc lựa chọn sản phẩm của doanh nghiệp;
- Lập được kế hoạch và thực hiện được các chương trình: Truyền thông, quan hệ công chúng, quảng cáo, tiếp thị, quảng bá thương hiệu...;
- Tổ chức được các hoạt động marketing cho doanh nghiệp;
- Lập được dự toán kinh phí cho các hoạt động marketing;
- Lựa chọn được nhân lực cho hoạt động marketing của doanh nghiệp;
- Thiết lập được các kênh phân phối chào hàng, bán hàng và đề xuất các phương pháp cải tiến sản phẩm dịch vụ;

- Tổ chức được các chương trình huấn luyện - đào tạo đội ngũ nhân viên marketing;
- Ứng dụng được khoa học kỹ thuật vào hoạt động marketing;
- Đánh giá được hoạt động marketing của doanh nghiệp và đưa ra được những tư vấn hợp lý cho lãnh đạo doanh nghiệp;
- Sử dụng thành thạo các công cụ truyền thông thông dụng;
- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;
- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

c. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Có ý thức trách nhiệm về làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm; khả năng giải quyết công việc vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi; giao tiếp tốt với đồng nghiệp, với khách hàng;
- Có ý thức trách nhiệm về hướng dẫn giám sát đồng nghiệp thực hiện nhiệm vụ xác định, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm trong phạm vi công việc được giao;
- Có ý thức trách nhiệm về đánh giá chất lượng, kết quả công việc của bản thân và nhóm sau khi hoàn thành công việc được giao.

3.2. Chuẩn đầu ra ngoại ngữ

Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản trị kinh doanh bậc cao đẳng hệ chính quy đạt chuẩn trình độ Tiếng Anh bậc 2/6 theo quy định tại thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định và khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

3.3. Chuẩn đầu ra tin học

Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản trị kinh doanh bậc cao đẳng hệ chính quy đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/03/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, gồm 06 mô đun sau:

- Mô đun kỹ năng 01 (Mã IU01): Hiểu biết về CNTT cơ bản.
- Mô đun kỹ năng 02 (Mã IU02): Sử dụng máy tính cơ bản.
- Mô đun kỹ năng 03 (Mã IU03): Xử lý văn bản cơ bản.
- Mô đun kỹ năng 04 (Mã IU04): Sử dụng bảng tính cơ bản.
- Mô đun kỹ năng 05 (Mã IU05): Sử dụng trình chiếu cơ bản.
- Mô đun kỹ năng 06 (Mã IU06): Sử dụng Internet cơ bản.

4. Nội dung chương trình:

Mã MH/ MD	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số giờ	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận	Thi/ Kiểm tra
I	Các môn học chung	15	435	172	242	21
000354	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	5	75	36	35	4
000341	Giáo dục thể chất 1	1	30	3	25	2
000342	Giáo dục thể chất 2	1	30	3	25	2
000505	Giáo dục chính trị	4	75	41	29	5
000356	Pháp luật	2	30	18	10	2
000265	Tin học	3	75	15	58	2
000427	Tiếng Anh 1	3	60	28	30	2
000428	Tiếng Anh 2	3	60	28	30	2
II	Các môn học chuyên môn	75	1820	557	1198	65
II.1	Các môn học cơ sở	19	405	151	234	20
000355	Kinh tế vi mô	3	60	27	30	03
000359	Quản trị học	2	45	13	30	02
000526	Nguyên lý kế toán	3	60	27	30	03
000367	Marketing căn bản	2	45	15	27	03
000036	Hệ thống thông tin quản lý	2	45	14	29	02
000371	Quản trị chất lượng	2	45	14	29	02
000349	Thương mại điện tử căn bản	3	60	27	30	03

000331	Luật điều chỉnh thương mại điện tử	2	45	14	29	02
II.2	Các môn học chuyên môn	48	1235	354	844	37
000323	Quản trị bán hàng trên nền TMĐT	2	45	13	30	02
000324	Bảo mật trong kinh doanh TMĐT	2	45	13	30	02
000571	Quản trị kế hoạch tác nghiệp	3	60	30	28	02
000325	Thanh toán điện tử	2	45	13	30	02
000453	Marketing trực tuyến	2	45	15	28	02
000570	Quản trị dự án: Triển khai dự án	3	60	30	28	02
000506	Thực hành tổng hợp ngành TMĐT	3	60	27	30	03
000569	Quản trị tài chính: Quản trị ngân sách và kế hoạch tài chính	3	60	30	28	02
000483	Xây dựng hệ thống thông tin TMĐT	2	45	13	30	02
000572	Dẫn dắt và QT hiệu quả các mối quan hệ tại nơi làm việc	3	60	27	30	03
000557	Dẫn dắt và QT hiệu quả nhóm làm việc	3	60	30	28	02
000573	Quản trị nguồn nhân lực: Hỗ trợ tuyển dụng và hướng dẫn nhân viên mới	3	60	30	28	2
000085	Mạng máy tính và truyền thông	2	45	15	28	2
000337	Nghiên cứu Marketing trực tuyến	3	45	14	28	03
000439	Thiết kế Website	2	45	13	30	02
000336	Chiến lược kinh doanh TMĐT	2	45	13	30	02
000330	Tiếng Anh ngành TMĐT	3	60	28	30	02
000503	Thực tập tốt nghiệp	5	350	-	350	-
II.3	Các môn học tự chọn	08	180	52	120	08

	(Sinh viên chọn 04 trong 08 môn học)					
000108	Phân tích hoạt động trong kinh doanh	2	45	13	30	02
000244	Tâm lý khách hàng	2	45	13	30	02
000116	Quan hệ công chúng	2	45	15	27	03
000069	Marketing Quốc tế	2	45	13	30	02
000096	Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu	2	45	15	28	02
000044	Kế toán tài chính doanh nghiệp	2	45	15	28	02
000511	Nghiệp vụ thanh toán quốc tế	2	40	18	20	02
000032	Giao tiếp trong kinh doanh	2	45	13	30	02
III	Các môn học kỹ năng	13	277	85	174	18
000375	Kỹ năng giao tiếp	1	22	07	14	1
	Anh văn giao tiếp 1	4	75	29	40	6
	Anh văn giao tiếp 2	2	45	10	30	5
000455	Tiếng Anh Thương mại tổng hợp	2	45	13	30	2
000069	Kỹ năng khởi nghiệp	2	45	13	30	2
000504	Soạn thảo văn bản	2	45	13	30	2
TỔNG CỘNG		90	2532	814	1614	104

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

STT	Tên môn học	Số tín chỉ	Môn học tiên quyết
1. Học kỳ 1		23	
1.1 Môn học bắt buộc		23	
1	Pháp luật	2	
2	Nguyên lý kế toán	3	
3	Quản trị học	2	
4	Kinh tế vi mô	3	GD2
5	Luật điều chỉnh thương mại điện tử	2	GD2
6	Dẫn dắt và QT hiệu quả nhóm làm việc	3	GD2
7	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	5	
8	<i>Kỹ năng giao tiếp</i>	<i>1</i>	
9	<i>Soạn thảo văn bản</i>	<i>2</i>	
1.2 Môn học tự chọn		0	
2. Học kỳ 2		25	
2.1 Môn học bắt buộc		23	
1	Marketing căn bản	2	
2	Quản trị chất lượng	2	
3	Tin học	3	
4	Thương mại điện tử căn bản	3	
5	Hệ thống thông tin quản lý	2	
6	Dẫn dắt và QT hiệu quả các mối quan hệ tại nơi làm việc	3	
7	Tiếng Anh 1	3	

8	Giáo dục thể chất 1	1	
9	<i>Anh văn giao tiếp 1</i>	4	
2.2 Môn học tự chọn (SV chọn 1 trong 2 môn học)		02	
10	Giao tiếp trong kinh doanh	2	
11	Tâm lý khách hàng	2	
3. Học kỳ 3		22	
3.1 Môn học bắt buộc		20	
1	Thanh toán điện tử	2	
2	Quản trị tài chính – Quản trị ngân sách và kế hoạch tài chính	3	
3	Quản trị dự án – Triển khai dự án	3	
4	Thiết kế website	2	
5	Xây dựng hệ thống thông tin TMĐT	2	
6	Tiếng Anh 2	3	
7	Mạng máy tính và truyền thông	2	
8	Giáo dục thể chất 2	1	
9	<i>Anh văn giao tiếp 2</i>	2	
3.2 Môn học tự chọn (SV chọn 1 trong 2 môn học)		02	
10	Kế toán tài chính doanh nghiệp	2	
11	Marketing Quốc tế	2	
4. Học kỳ 4		22	
4.1 Môn học bắt buộc		20	
1	Tiếng Anh ngành TMĐT	3	
2	Quản trị tác nghiệp	3	

3	Báo mật trong kinh doanh TMĐT	2	
4	Marketing trực tuyến	3	
5	Nghiên cứu Marketing trực tuyến	3	
6	Chiến lược kinh doanh TMĐT	2	
7	<i>Kỹ năng khởi nghiệp</i>	2	
8	<i>Tiếng Anh thương mại tổng hợp</i>	2	
4.2 Môn học tự chọn (SV chọn 1 trong 2 môn học)		02	
9	Phân tích hoạt động kinh doanh	2	
10	Quan hệ công chúng	2	
5. Học kỳ 5		15	
5.1 Môn học bắt buộc		13	
1	Thực hành TH ngành TMĐT	3	
2	Quản trị bán hàng trên nền TMĐT	2	
3	Thực tập tốt nghiệp	5	
4	Quản trị nguồn nhân lực – Hỗ trợ tuyển dụng và hướng dẫn nhân viên mới	3	
5.2 Môn học tự chọn (SV chọn 1 trong 2 môn học)		02	
5	Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu	2	
6	Nghiệp vụ thanh toán quốc tế	2	
6. Học kỳ 6		04	
6.1 Môn học bắt buộc		04	
1	Chính trị	4	
6.2 Môn học tự chọn		0	

5. Hướng dẫn sử dụng chương trình

5.1. Các môn học chung:

Là các môn học bắt buộc do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng thực hiện.

5.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

Các môn học thuộc phần kiến thức kỹ năng mềm được bố trí học theo kế hoạch học tập toàn khóa và cho từng học kỳ do trường công bố từ đầu khóa học.

5.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học:

Thời gian tổ chức kiểm tra hết môn học theo hướng dẫn cụ thể theo từng môn học và theo kế hoạch đào tạo của trường cụ thể cho từng học kỳ và từng năm học.

5.4. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp:

- Người học phải học hết chương trình đào tạo và phải tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo; đạt chuẩn tiếng Anh đầu ra theo quy định của Trường.

- Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả tích lũy của người học để quyết định việc công nhận tốt nghiệp cho người học.

- Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp để cấp bằng tốt nghiệp và công nhận danh hiệu Cử nhân Thực hành theo quy định của trường.

5.5. Các chú ý khác:

- Tất cả sinh viên tuyển vào trường sẽ được kiểm tra trình độ Tiếng Anh và Tin học để được xét học thẳng chương trình tiếng Anh và Tin học chính khóa của trường hoặc phải học bổ sung kiến thức nền tảng theo quy định.

- Các môn học: Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và An ninh, Kỹ năng mềm là các môn điều kiện bắt buộc phải học để bảo đảm chuẩn đầu ra khi xét tốt nghiệp, không tính để xét kết quả học tập từng học kỳ, cả năm học và khóa học.